

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN SỨC KHỎE HỒI SINH VIỆT NAM

MỤC LỤC
----- oOo -----

	Trang
1. BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC	01 - 02
2. BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	03 - 04
3. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	05 - 06
4. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	07
5. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	08
6. BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	09 - 25

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Tổng Giám đốc trân trọng đề trình báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

1. Thông tin chung về Công ty

Thành lập:

Công ty Cổ phần Sức khỏe hồi sinh Việt Nam (Tiền thân là Công ty Cổ phần Đầu tư NHV) ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 1703000450 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp lần đầu vào ngày 21 tháng 1 năm 2009. Công ty cũng nhận được Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 4600483821 ngày 21 tháng 1 năm 2009 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 11 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 11 tháng 5 năm 2022. Công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần Sức khỏe hồi sinh Việt Nam kể từ ngày 11/5/2022 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 11.

Hình thức sở hữu vốn:

Công ty cổ phần

Hoạt động kinh doanh của Công ty:

Trong năm tài chính 2023, lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty là hoạt động tư vấn quản lý (Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán)

Tên tiếng anh: NIRVANA HEALTH VIETNAM JOINT STOCK COMPANY

Trụ sở chính: Tầng 2, Tòa nhà 25T2 lô đất N05, Khu đô thị Đông Nam Trần Duy Hưng, Phường Yên Hòa, TP Hà Nội, Việt Nam

2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động:

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động trong năm của Công ty được trình bày trong các báo cáo tài chính đính kèm.

3. Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng:

Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính gồm có:

Hội đồng Quản trị

Ông	Trần Quốc Luân	Chủ tịch
Ông	Trần Văn Sản	Thành viên
Ông	Nguyễn Mạnh Tùng	Thành viên

Ban Kiểm soát

Ông	Nguyễn Mạnh Phú	Trưởng ban
Bà	Nguyễn Thị Thu Trang	Thành viên
Bà	Nguyễn Thị Ngọc Linh	Thành viên

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông Lưu Quang Thịnh

Tổng Giám đốc

Bà Nguyễn Thị Sen

Kế toán trưởng

Bà Võ Thị Hương

Phụ trách kế toán Bỏ nhiệm ngày 25/12/2023

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính là ông Lưu Quang Thịnh

4. Kiểm toán độc lập

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học MOORE AISC được chỉ định là kiểm toán viên cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

5. Cam kết của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính này, Tổng Giám đốc đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau đây:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở để soạn lập các báo cáo tài chính phù hợp với chế độ kế toán được nêu ở Thuyết minh cho các Báo cáo tài chính. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

6. Xác nhận

Theo ý kiến của Tổng Giám đốc, tôi xác nhận rằng các Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh đính kèm được soạn thảo đã thể hiện quan điểm trung thực và hợp lý về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với chuẩn mực và hệ thống kế toán Việt Nam.

Hà Nội, ngày 13 tháng 03 năm 2026

Tổng Giám đốc



Lưu Quang Thịnh

Số: B1225233-2023/MOOREAISHN-TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**KÍNH GỬI: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN SỨC KHỎE HỒI SINH VIỆT NAM**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Sức khỏe Hồi sinh Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 13 tháng 03 năm 2026, từ trang 05 đến trang 25, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc

Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Tuy nhiên, do vấn đề mô tả tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến”, chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến

Tại thời điểm 31/12/2022 và 31/12/2023, Công ty chưa thực hiện đối chiếu đầy đủ số dư các khoản công nợ phải thu, phải trả và các khoản vay do Công ty đang trong quá trình rà soát, đối chiếu đối với các khoản mục này. Bằng các thủ tục kiểm toán khác, chúng tôi cũng chưa thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để xác nhận tính hiện hữu, đầy đủ và chính xác của các khoản mục này đang được phản ánh trên Báo cáo tài chính của Công ty.

Trong năm 2022, Công ty phát sinh một số khoản tạm ứng với giá trị lớn và dùng tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn để đảm bảo khoản vay của một số nhân viên trong Công ty. Tại thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán, các giao dịch này đang được Công ty thực hiện các thủ tục phê duyệt theo quy định nội bộ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật có liên quan nên chưa cung cấp được đầy đủ hồ sơ phát sinh cho chúng tôi. Do đó, chúng tôi không thể khẳng định được tính hiện hữu và tính phù hợp của các giao dịch này đang được phản ánh trên Báo cáo tài chính của Công ty.

Ngoài ra, tại thời điểm kiểm toán, Công ty chưa cung cấp đầy đủ các chứng từ thu chi tiền mặt, biên bản kiểm kê tiền mặt, biên bản kiểm kê hàng tồn kho, chi tiết số dư hàng tồn kho tại thời điểm đầu năm và cuối năm, hồ sơ chi tiết công nợ, hồ sơ đầu tư, hồ sơ vay và các tài liệu liên quan đến doanh thu, chi phí phát sinh trong năm. Do đó, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để xác định tính hiện hữu, đầy đủ và hợp lý của các khoản mục này cũng như ảnh hưởng của nó (nếu có) đến các chỉ tiêu khác được trình bày trên Báo cáo tài chính của Công ty.

Tại ngày 31/12/2023, Công ty chưa hoàn tất việc đánh giá khả năng thu hồi đối với một số khoản phải thu, khoản đầu tư, xác định giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho và chưa thực hiện việc trích lập dự phòng cho các khoản mục này (nếu có) theo quy định. Với các tài liệu hiện có, chúng tôi không thể xác định được các điều chỉnh cần thiết (nếu có) liên quan đến khoản mục này đang được phản ánh trên Báo cáo tài chính.



MOORE AISC

Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến (tiếp theo)

Do chúng tôi được bổ nhiệm kiểm toán sau thời điểm kết thúc kỳ kế toán nên chúng tôi không thể tham gia chứng kiến kiểm kê tiền mặt và hàng tồn kho tại thời điểm đầu năm và cuối năm. Với các tài liệu hiện có và bằng các thủ tục kiểm toán thay thế khác chúng tôi không thể khẳng định được tính hiện hữu, tính đầy đủ của các khoản mục này đang được phản ánh trên Báo cáo tài chính.

Từ chối đưa ra ý kiến

Do tầm quan trọng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến”, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến kiểm toán về báo cáo tài chính đính kèm.

Hà Nội, ngày 13 tháng 03 năm 2026

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học MOORE AISC



Nguyễn Thị Phụng

Phó Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 4945-2024-005-1

Phan Công Văn

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 5298-2026-005-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		55.508.206.528	55.509.775.964
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	341.959.501	343.528.937
1. Tiền	111		341.959.501	343.528.937
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		54.869.936.184	54.869.936.184
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	1.488.278.000	1.488.278.000
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	309.234.852	309.234.852
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	53.072.423.332	53.072.423.332
III. Hàng tồn kho	140	V.6	182.952.871	182.952.871
1. Hàng tồn kho	141		182.952.871	182.952.871
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		113.357.972	113.357.972
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		113.357.972	113.357.972
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		5.670.000.000	5.670.000.000
I. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2	5.670.000.000	5.670.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		5.670.000.000	5.670.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		61.178.206.528	61.179.775.964

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		8.230.727.521	8.230.727.521
I. Nợ ngắn hạn	310		8.230.727.521	8.230.727.521
1. Phải trả cho người bán ngắn hạn	311	V.7	1.187.072.300	1.187.072.300
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.8a	1.502.574.981	1.502.574.981
3. Phải trả người lao động	314		618.015.656	810.515.656
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.9	526.637.184	526.637.184
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.10	2.817.927.400	2.625.427.400
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.11	1.578.500.000	1.578.500.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		52.947.479.007	52.949.048.443
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.12	52.947.479.007	52.949.048.443
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		54.801.120.000	54.801.120.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		54.801.120.000	54.801.120.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(1.853.640.993)	(1.852.071.557)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(1.852.071.557)	540.813.773
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(1.569.436)	(2.392.885.330)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		61.178.206.528	61.179.775.964

Hà Nội, ngày 13 tháng 03 năm 2026

NGƯỜI LẬP BIỂU



Võ Thị Hương

PHỤ TRÁCH KẾ TOÁN



Võ Thị Hương

TỔNG GIÁM ĐỐC



Lưu Quang Thịnh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	-	1.352.980.000
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		-	1.352.980.000
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	-	2.518.377.564
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		-	(1.165.397.564)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	5.887	1.597.396.927
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	-	40.499.075
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	40.499.075
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	-	26.335.700
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	1.575.323	2.735.363.852
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26))	30		(1.569.436)	(2.370.199.264)
11. Thu nhập khác	31		-	-
12. Chi phí khác	32	VI.8	-	22.686.066
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		-	(22.686.066)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(1.569.436)	(2.392.885.330)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		(1.569.436)	(2.392.885.330)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	(0,29)	(436,65)
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.11	(0,29)	(436,65)

Hà Nội, ngày 13 tháng 03 năm 2026

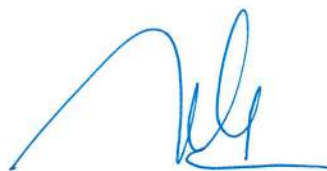
NGƯỜI LẬP BIỂU

PHỤ TRÁCH KẾ TOÁN

TỔNG GIÁM ĐỐC



Võ Thị Hương



Võ Thị Hương



Lưu Quang Thịnh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(1.569.436)	(2.392.885.330)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(5.887)	(1.597.396.927)
- Chi phí lãi vay	06	VI.6	-	40.499.075
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(1.575.323)	(3.949.783.182)
- Tăng (-), giảm (+) các khoản phải thu	09		-	4.879.921.237
- Tăng (+), giảm (-) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		-	4.544.973.603
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	(40.499.075)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(1.575.323)	5.434.612.583
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(57.670.000.000)
2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	52.000.000.000
3. Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		5.887	1.597.396.927
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		5.887	(4.072.603.073)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33		-	1.578.500.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	(1.000.000.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(2.141.034.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	(1.562.534.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		(1.569.436)	(200.524.490)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		343.528.937	544.053.427
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	V.1	341.959.501	343.528.937

Hà Nội, ngày 13 tháng 03 năm 2026

NGƯỜI LẬP BIỂU



Võ Thị Hương

PHỤ TRÁCH KẾ TOÁN



Võ Thị Hương

TỔNG GIÁM ĐỐC



Lưu Quang Thịnh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1. Thành lập**

Công ty Cổ phần Sức khỏe hồi sinh Việt Nam (Tiền thân là Công ty Cổ phần Đầu tư NHV) ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 1703000450 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp lần đầu vào ngày 21 tháng 1 năm 2009. Công ty cũng nhận được Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 4600483821 ngày 21 tháng 1 năm 2009 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 11 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 11 tháng 5 năm 2022. Công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần Sức khỏe hồi sinh Việt Nam kể từ ngày 11/5/2022 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 11.

Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần

Tên tiếng anh: NIRVANA HEALTH VIETNAM JOINT STOCK COMPANY**Trụ sở chính:** Tầng 2, Tòa nhà 25T2 lô đất N05, Khu đô thị Đông Nam Trần Duy Hưng, Phường Yên Hòa, TP Hà Nội, Việt Nam**2. Lĩnh vực kinh doanh**

Trong năm tài chính 2023, lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty là hoạt động tư vấn quản lý (Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán)

3. Ngành nghề kinh doanh chính

Ngành nghề kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty là:

- Hoạt động tư vấn quản lý
(Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán) (chính)

- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày

Chi tiết: Khách sạn (Đạt tiêu chuẩn sao và không hoạt động tại trụ sở)

- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động

Chi tiết: Nhà hàng

- Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh

Chi tiết: Bán lẻ chuyên doanh các mặt hàng thiết bị viễn thông như:

- Điện thoại cố định, điện thoại di động, máy fax, thiết bị viễn thông khác: sim, card điện thoại, nạp tiền điện thoại...

- Bán buôn thực phẩm

Ngoại trừ: Gạo, đường mía và đường củ cải

- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh của Công ty kéo dài trong vòng 12 tháng theo năm tài chính thông thường bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc có thể so sánh được giữa các kỳ kế toán tương ứng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đồng Việt Nam (VND) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số điều thông tư 200/2014/TT-BTC và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số điều thông tư 200/2014/TT-BTC cũng như thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Nguyên tắc kế toán đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, các khoản đầu tư này được đánh giá theo giá trị có thể thu hồi. Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được thì số tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và ghi giảm giá trị đầu tư.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Nguyên tắc kế toán đối với các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

Nguyên tắc ghi nhận các khoản nợ phải thu: theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải thu.

Phương pháp lập dự phòng phải thu khó đòi: dự phòng phải thu khó đòi được ước tính cho phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác có bản chất tương tự các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi đã quá hạn thanh toán, chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán vì lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn...

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc (-) trừ dự phòng giảm giá và dự phòng cho hàng tồn kho lỗi thời, mất phẩm chất.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- **Nguyên vật liệu, hàng hóa:** bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- **Thành phẩm:** Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung và những chi phí có liên quan trực tiếp khác đến việc sản xuất sản phẩm.
- **Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang:** bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung phát sinh trong quá trình xây lắp. Giá trị sản phẩm dở cuối kỳ đang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối kỳ.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Theo giá bình quân gia quyền.

Hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Chi phí trả trước tại Công ty bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí hoạt động kinh doanh từng kỳ theo phương pháp đường thẳng. Căn cứ vào tính chất và mức độ từng loại chi phí mà có thời gian phân bổ như sau: chi phí trả trước ngắn hạn phân bổ trong vòng 12 tháng; chi phí trả trước dài hạn phân bổ trên 12 tháng.

7. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo nguyên giá và không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Các khoản phải trả thỏa mãn định nghĩa của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại cuối kỳ khi lập báo cáo tài chính.

Công ty thực hiện phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải trả.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả (bao gồm việc đánh giá lại nợ phải trả thỏa mãn định nghĩa các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra theo nguyên tắc thận trọng.

8. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**Vốn góp của chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được hình thành từ số tiền đã góp vốn ban đầu, góp bổ sung của các cổ đông. Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp bằng tiền hoặc bằng tài sản tính theo mệnh giá của cổ phiếu đã phát hành khi mới thành lập, hoặc huy động thêm để mở rộng quy mô hoạt động của Công ty.

Thặng dư vốn cổ phần: Phản ánh khoản chênh lệch tăng giữa giá phát hành cổ phiếu so với mệnh giá khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung cổ phiếu và chênh lệch tăng, giảm giữa số tiền thực tế thu được so với giá mua lại khi tái phát hành cổ phiếu quỹ. Trường hợp mua lại cổ phiếu để hủy bỏ ngay tại ngày mua thì giá trị cổ phiếu được ghi giảm nguồn vốn kinh doanh tại ngày mua là giá thực tế mua lại và cũng phải ghi giảm nguồn vốn kinh doanh chi tiết theo mệnh giá và phần thặng dư vốn cổ phần của cổ phiếu mua lại.

Vốn khác của chủ sở hữu: được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán, điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân phối lợi nhuận được căn cứ vào điều lệ Công ty và thông qua Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu và thu nhập khác

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện: 1. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp; 2. Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; 3. Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán; 4. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện: 1. Có khả năng thu được lợi ích từ giao dịch đó; 2. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Doanh thu hoạt động tài chính gồm: tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

Khi không thể thu hồi một khoản mà trước đó đã ghi vào doanh thu thì khoản có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được đó phải hạch toán vào chi phí phát sinh trong kỳ, không ghi giảm doanh thu.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán trong kỳ; các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư và các chi phí khác được ghi nhận vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn trong kỳ báo cáo. Giá vốn được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Giá vốn hàng bán và doanh thu được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Các chi phí vượt trên mức tiêu hao bình thường được ghi nhận ngay vào giá vốn theo nguyên tắc thận trọng.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm: Các khoản chi phí hoặc khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán...; Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái và các khoản chi phí tài chính khác.

Khoản chi phí tài chính được ghi nhận chi tiết cho từng nội dung chi phí khi thực tế phát sinh trong kỳ và được xác định một cách đáng tin cậy khi có đầy đủ bằng chứng về các khoản chi phí này.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của Công ty trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Các khoản thuế phải nộp ngân sách nhà nước sẽ được quyết toán cụ thể với cơ quan thuế. Chênh lệch giữa số thuế phải nộp theo sổ sách và số liệu kiểm tra quyết toán sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức với cơ quan thuế.

14. Nguyên tắc ghi nhận lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trừ đi phần Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích lập trong kỳ chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

15. Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu****Tài sản tài chính**

Theo thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác, nợ và vay.

Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

15. Công cụ tài chính (tiếp theo)

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên các báo cáo tài chính nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

16. Bên liên quan

Theo chuẩn mực kế toán số 26 - Thông tin về các bên liên quan tại công ty như sau:

(i) Những doanh nghiệp kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với doanh nghiệp báo cáo (bao gồm công ty mẹ, công ty con, các công ty con cùng tập đoàn);

(ii) Các công ty liên kết (quy định tại Chuẩn mực kế toán số 07 “Kế toán các khoản đầu tư vào công ty liên kết”);

(iii) Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này. Thành viên mật thiết trong gia đình của một cá nhân là những người có thể chi phối hoặc bị chi phối bởi người đó khi giao dịch với doanh nghiệp như quan hệ: Bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị em ruột;

(iv) Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của doanh nghiệp báo cáo, bao gồm những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;

(v) Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu ở trường hợp (iii) hoặc trường hợp (iv) của Mục 1.3 bài viết này nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc thông qua việc này người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp. Trường hợp này bao gồm những doanh nghiệp được sở hữu bởi những người lãnh đạo hoặc các cổ đông chính của doanh nghiệp báo cáo và những doanh nghiệp có chung một thành viên quản lý chủ chốt với doanh nghiệp báo cáo.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	31/12/2023	01/01/2023
Tiền	341.959.501	343.528.937
Tiền mặt	339.464.705	339.464.705
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.494.796	4.064.232
Cộng	341.959.501	343.528.937

2. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Trái phiếu (*)	5.670.000.000	5.670.000.000	5.670.000.000	5.670.000.000
Cộng	5.670.000.000	5.670.000.000	5.670.000.000	5.670.000.000

(*) Ngày 01/4/2022, Công ty mua trái phiếu của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hạ tầng Giáo dục (Edu Infra Group), kỳ hạn 5 năm. Ông Nguyễn Ngọc Thủy - Chủ tịch HĐQT IBC (IBC chiếm 48,72% vốn góp của chủ sở hữu tại Edu Infra Group), cũng là Chủ tịch HĐQT Edu Infra Group) bị truy tố về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và "Đưa hối lộ", quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174, khoản 4 Điều 364 Bộ luật Hình sự.

Đến hiện tại, Công ty chưa đánh giá được khả năng thu hồi của khoản đầu tư này nên chưa thực hiện trích lập dự phòng giảm giá đầu tư.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

3. Phải thu của khách hàng		31/12/2023		01/01/2023	
		Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn		1.488.278.000	-	1.488.278.000	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hạ tầng giáo dục		1.488.278.000	-	1.488.278.000	-
Cộng		1.488.278.000	-	1.488.278.000	-
4. Trả trước cho người bán		31/12/2023		01/01/2023	
		Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn		309.234.852	-	309.234.852	-
Công ty TNHH Thương mại dịch vụ tin học An Phát		181.540.052	-	181.540.052	-
Công ty TNHH dịch vụ du lịch Kiều Huy		50.028.000	-	50.028.000	-
Công ty TNHH Dịch vụ Sơn Hà Việt Nam		15.405.000	-	15.405.000	-
Công ty TNHH P design		23.897.400	-	23.897.400	-
Công ty TNHH Salah Hotel		21.105.000	-	21.105.000	-
Khác		17.259.400	-	17.259.400	-
Cộng		309.234.852	-	309.234.852	-
5. Phải thu khác		31/12/2023		01/01/2023	
		Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn		53.072.423.332	-	53.072.423.332	-
Tạm ứng - Ông Lưu Quang Thịnh		53.000.000.000	-	53.000.000.000	-
Các khoản khác		72.423.332	-	72.423.332	-
Cộng		53.072.423.332	-	53.072.423.332	-
b. Phải thu khác là các bên liên quan					
Ông Lưu Quang Thịnh		53.000.000.000	-	53.000.000.000	-
Cộng		53.000.000.000	-	53.000.000.000	-
6. Hàng tồn kho		31/12/2023		01/01/2023	
		Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng hoá		20.727.446	-	20.727.446	-
Hàng gửi bán		162.225.425	-	162.225.425	-
Cộng		182.952.871	-	182.952.871	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

7. Phải trả người bán

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn	1.187.072.300	1.187.072.300	1.187.072.300	1.187.072.300
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hạ tầng Giáo dục	1.053.360.000	1.053.360.000	1.053.360.000	1.053.360.000
Công ty cổ phần đầu tư và giải pháp Công Nghệ Số	100.000.000	100.000.000	100.000.000	100.000.000
Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam	2.400.000	2.400.000	2.400.000	2.400.000
Các nhà cung cấp khác	31.312.300	31.312.300	31.312.300	31.312.300
Cộng	1.187.072.300	1.187.072.300	1.187.072.300	1.187.072.300

8. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	01/01/2023	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2023
Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	284.180.570	-	-	284.180.570
Thuế thu nhập doanh nghiệp	902.988.095	-	-	902.988.095
nhân	315.406.316	-	-	315.406.316
Cộng	1.502.574.981	-	-	1.502.574.981

9. Chi phí phải trả

	31/12/2023	01/01/2023
Ngắn hạn	526.637.184	526.637.184
Phải trả chi phí mua thiết bị	526.637.184	526.637.184
Cộng	526.637.184	526.637.184

10. Phải trả khác

	31/12/2023	01/01/2023
Ngắn hạn		
Bà Nguyễn Thị Thu Trang	2.501.000.000	2.501.000.000
Ông Trần Anh Tuấn	192.500.000	-
Phải trả, phải nộp khác	124.427.400	124.427.400
Cộng	2.817.927.400	2.625.427.400

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

11. Vay và nợ thuê tài chính	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	1.578.500.000	1.578.500.000	1.578.500.000	1.578.500.000
Vay cá nhân (*)	1.578.500.000	1.578.500.000	1.578.500.000	1.578.500.000
Cộng	1.578.500.000	1.578.500.000	1.578.500.000	1.578.500.000

(*) Thuyết minh các khoản vay cá nhân

Các khoản vay cá nhân không có tài sản đảm bảo.

12. Vốn chủ sở hữu**1. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	32.236.000.000	25.246.967.773	57.482.967.773
Lợi nhuận	-	(2.392.885.330)	(2.392.885.330)
Phân phối lợi nhuận	22.565.120.000	(24.706.154.000)	(2.141.034.000)
Số dư cuối năm trước	54.801.120.000	(1.852.071.557)	52.949.048.443
Số dư đầu năm nay	54.801.120.000	(1.852.071.557)	52.949.048.443
Lợi nhuận	-	(1.569.436)	(1.569.436)
Số dư cuối năm nay	54.801.120.000	(1.853.640.993)	52.947.479.007

2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu	Tỷ lệ vốn góp	31/12/2023	01/01/2023
Vốn góp cổ đông	100,00%	54.801.120.000	54.801.120.000
Cộng	100,00%	54.801.120.000	54.801.120.000

3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận	Năm 2023	Năm 2022
Vốn góp của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	54.801.120.000	32.236.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	22.565.120.000
Vốn góp cuối năm	54.801.120.000	54.801.120.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	(24.706.154.000)

4. Cổ phiếu	31/12/2023	01/01/2023
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.480.112	5.480.112
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.480.112	5.480.112
Cổ phiếu phổ thông	5.480.112	5.480.112
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.480.112	5.480.112
Cổ phiếu phổ thông	5.480.112	5.480.112
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: đồng Việt Nam/cổ phiếu.	10.000	10.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu cung cấp dịch vụ	Năm 2023	Năm 2022
Doanh thu từ hoạt động tư vấn đầu tư	-	1.352.980.000
Cộng	-	1.352.980.000
2. Giá vốn hàng bán	Năm 2023	Năm 2022
Giá vốn	-	2.518.377.564
Cộng	-	2.518.377.564
3. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm 2023	Năm 2022
Lãi cho vay	-	845.000.000
Lãi tiền gửi	5.887	465.836.680
Lãi trái phiếu		286.560.247
Cộng	5.887	1.597.396.927
4. Chi phí tài chính	Năm 2023	Năm 2022
Chi phí lãi vay	-	40.499.075
Cộng	-	40.499.075
5. Chi phí bán hàng	Năm 2023	Năm 2022
Chi phí cho nhân viên	-	21.566.000
Các chi phí khác	-	4.769.700
Cộng	-	26.335.700
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Năm 2023	Năm 2022
Chi phí cho nhân viên	-	1.157.726.660
Chi phí đồ dùng văn phòng	-	67.726.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	1.442.756.606
Các chi phí khác	1.575.323	67.154.586
Cộng	1.575.323	2.735.363.852
7. Chi phí khác	Năm 2023	Năm 2022
Tiền phạt chậm nộp thuế, phạt hành chính và chi phí khác	-	22.686.066
Cộng	-	22.686.066

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

8. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2023	Năm 2022
Chi phí nhân viên quản lý	-	1.179.292.660
Chi phí nguyên vật liệu	-	67.726.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	1.442.756.606
Chi phí khác bằng tiền	1.575.323	71.924.286
Cộng	1.575.323	2.761.699.552

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm 2023	Năm 2022
1. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(1.569.436)	(2.392.885.330)
2. Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	-	22.686.066
2.1. Các khoản điều chỉnh tăng	-	22.686.066
Chi phí không hợp lệ	-	22.686.066
3. Thu nhập chịu thuế	(1.569.436)	(2.370.199.264)
4. Lỗi các năm trước được chuyển	-	-
5. Thu nhập tính thuế	(1.569.436)	(2.370.199.264)
6. Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
8. Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	-
9. Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2023	Năm 2022
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(1.569.436)	(2.392.885.330)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(1.569.436)	(2.392.885.330)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân gia quyền trong năm	5.480.112	5.480.112
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(0,29)	(436,65)

11. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2023	Năm 2022
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(1.569.436)	(2.392.885.330)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi đã điều chỉnh các yếu tố suy giảm	(1.569.436)	(2.392.885.330)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	5.480.112	5.480.112
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	(0,29)	(436,65)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

VII. MỤC TIÊU VÀ CÁC CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Các rủi ro chính từ công cụ tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản

Ban Tổng Giám đốc xem xét và áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nội trên như sau:

1. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có ba loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2023.

1.1. Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến khoản vay và nợ, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

1.2. Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của công ty bằng các đơn vị tiền tệ khác Đồng Việt Nam.

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch cho các nghiệp vụ trong tương lai bằng ngoại tệ. Công ty không sử dụng bất kỳ công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro ngoại tệ của mình.

Độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ vì rủi ro do thay đổi ngoại tệ tại ngày lập báo cáo tài chính là không đáng kể

2. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt công ty thường xuyên theo dõi chặt chẽ nợ phải thu để đơn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số tiền gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Tổng Giám đốc của Công ty đánh giá rằng hầu hết các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

3. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng theo cơ sở chưa được chiết khấu:

Ngày 31 tháng 12 năm 2023	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
Phải trả người bán	1.187.072.300	-	-	1.187.072.300
Phải trả khác	2.817.927.400	-	-	2.817.927.400
Vay và nợ thuê tài chính	1.578.500.000	-	-	1.578.500.000
Cộng	5.583.499.700	-	-	5.583.499.700
Ngày 31 tháng 12 năm 2022	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
Phải trả người bán	1.187.072.300	-	-	1.187.072.300
Phải trả khác	2.625.427.400	-	-	2.625.427.400
Vay và nợ thuê tài chính	1.578.500.000	-	-	1.578.500.000
Cộng	5.390.999.700	-	-	5.390.999.700

Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

4. Tài sản đảm bảo

Công ty không nắm giữ bất kỳ tài sản đảm bảo nào của bên thứ ba vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2023.

VIII. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được dùng để ước tính giá trị hợp lý:

Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

Ngoại trừ các khoản đề cập ở trên, giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính dài hạn chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và 31 tháng 12 năm 2023. Tuy nhiên, Tổng Giám đốc Công ty đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này không có khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ vào ngày kết thúc năm tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

VIII. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính (Tiếp theo)

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	31/12/2023		31/12/2022		31/12/2023	31/12/2022
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng		
Tài sản tài chính						
- Tiền và các khoản tương đương tiền	341.959.501	-	343.528.937	-	341.959.501	343.528.937
- Phải thu khách hàng	1.488.278.000	-	1.488.278.000	-	1.488.278.000	1.488.278.000
- Phải thu khác	72.423.332	-	72.423.332	-	72.423.332	72.423.332
TỔNG CỘNG	1.902.660.833	-	1.904.230.269	-	1.902.660.833	1.904.230.269
Nợ phải trả tài chính						
- Vay và nợ	1.578.500.000	-	1.578.500.000	-	1.578.500.000	1.578.500.000
- Phải trả người bán	1.187.072.300	-	1.187.072.300	-	1.187.072.300	1.187.072.300
- Phải trả khác	2.817.927.400	-	2.625.427.400	-	2.817.927.400	2.625.427.400
TỔNG CỘNG	5.583.499.700	-	5.390.999.700	-	5.583.499.700	5.390.999.700

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

IX. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

2a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

2a.1. Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

2a.2. Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các khoản công nợ phải thu, phải trả các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày ở thuyết minh V.5b.

2a.3. Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Trong năm, Công ty không phát sinh thu nhập phải trả cho các thành viên quản lý chủ chốt

2b. Công nợ các bên liên quan khác

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty Cổ phần Sức khỏe hồi sinh Việt Nam không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác.

3. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Hoạt động chính của Công ty là tư vấn quản lý. Công ty không có chi nhánh nào nên không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý, đồng thời doanh thu chỉ gồm doanh thu hoạt động dịch vụ nên công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam


4. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh tại ngày 01/01/2023 trên Bảng cân đối kế toán và số liệu so sánh năm 2022 trên Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ được lấy từ Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty Cổ phần Sức khỏe hồi sinh Việt Nam đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học MOORE AISIC.

5. Thông tin về hoạt động liên tục: Công ty vẫn tiếp tục hoạt động trong tương lai.

Hà Nội, ngày 13 tháng 03 năm 2026

NGƯỜI LẬP BIỂU



Võ Thị Hương

PHỤ TRÁCH KẾ TOÁN



Võ Thị Hương

TỔNG GIÁM ĐỐC

